CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 59/2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2168
ĐẾN Ngày: 5-7-16
Chuyển: ...

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân; trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, tạm giữ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mục đích sử dụng Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

1. Chứng minh người được cấp là quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

2. Phục vụ công tác quản lý quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và thực hiện các giao dịch dân sự.

Điều 4. Nguyên tắc cấp Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Mỗi quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được cấp một Chứng minh, có số hiệu Chứng minh riêng từ dữ liệu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 5. Thời hạn sử dụng Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Thời hạn sử dụng Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng là mười hai năm. Trường hợp thời gian phục vụ của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng còn dưới mười hai năm thì lấy thời hạn phục vụ còn lại để cấp.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Làm giả, làm sai lệch dữ liệu, nội dung Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

2. Hủy hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

3. Cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại, thu hồi, tạm giữ Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng trái với quy định của Nghị định này.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Nội dung thể hiện trên Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, Chứng minh công nhân quốc phòng và Chứng minh viên chức quốc phòng

1. Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, Chứng minh công nhân quốc phòng và Chứng minh viên chức quốc phòng có kích thước 85,60 mm x 53,98 mm; trang trí hai mặt khung viền, hoa văn nền gồm có các thông tin sau đây:

a) Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp màu hồng sen.

Mặt trước Chứng minh có hình Quốc huy in chìm đường kính 21 mm, từ trên xuống tiêu đề **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**; bên trái hình Quân hiệu đường kính 10 mm; phía dưới ảnh của người được cấp Chứng minh và hạn sử dụng; bên phải Quân hiệu dòng chữ màu đỏ cờ **CHỨNG MINH QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP**; từ trên xuống có các dòng chữ: Số hiệu Chứng minh; họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; đơn vị cấp; ngày, tháng, năm cấp; người có thẩm quyền cấp Chứng minh ký tên và đóng dấu.

b) Chứng minh công nhân quốc phòng có màu xanh trời.

Mặt trước Chứng minh có hình Quốc huy in chìm đường kính 21 mm, từ trên xuống tiêu đề **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**; bên trái hình Quân hiệu đường kính 10 mm; phía dưới ảnh của người được cấp Chứng minh và hạn sử dụng; bên phải Quân hiệu dòng chữ màu đỏ cờ **CHỨNG MINH CÔNG NHÂN QUỐC PHÒNG**; từ trên xuống có các dòng chữ: Số hiệu Chứng minh; họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; đơn vị cấp; ngày, tháng, năm cấp; người có thẩm quyền cấp Chứng minh ký tên và đóng dấu.

c) Chứng minh viên chức quốc phòng có màu vàng chanh.

Mặt trước Chứng minh có hình Quốc huy in chìm đường kính 21 mm, từ trên xuống tiêu đề **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**; bên trái hình Quân hiệu đường kính 10 mm; phía dưới ảnh của người được cấp Chứng minh và hạn sử dụng; bên phải Quân hiệu dòng chữ màu đỏ cờ **CHỨNG MINH VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG**; từ trên xuống có các dòng chữ: Số hiệu Chứng minh; họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; đơn vị cấp; ngày, tháng, năm cấp; người có thẩm quyền cấp Chứng minh ký tên và đóng dấu.

2. Mặt sau Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, Chứng minh công nhân quốc phòng và Chứng minh viên chức quốc phòng có các dòng chữ: Quê quán; nơi thường trú; nhận dạng; nhóm máu.

Điều 8. Cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

1. Cấp lần đầu đối với các đối tượng được quyết định tuyển chọn, tuyển dụng thành quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

2. Cấp đổi trong trường hợp sau đây:

a) Chứng minh hết thời hạn sử dụng quy định tại Điều 5 Nghị định này hoặc bị hư hỏng;

b) Chuyển đổi đối tượng bố trí sử dụng;

c) Thay đổi họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc thay đổi nhận dạng do bị thương tích, thẩm mỹ, chỉnh hình.

3. Cấp lại trong trường hợp bị mất Chứng minh.

Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

1. Trình tự, thủ tục cấp lần đầu được thực hiện như sau:

a) Cá nhân điền vào tờ khai theo mẫu quy định;

b) Cơ quan quản lý nhân sự trung đoàn và tương đương thực hiện chụp ảnh, lấy vân tay từng người, đối chiếu dữ liệu quản lý quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng để làm thủ tục cấp Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc quyền quản lý; tổng hợp báo cáo cấp trên trực tiếp; thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thiện thủ tục;

c) Cơ quan quản lý nhân sự sư đoàn và tương đương thực hiện thủ tục theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc quyền quản lý; kiểm tra việc cấp Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng của đơn vị thuộc quyền; tổng hợp báo cáo cấp trên trực tiếp; thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thiện thủ tục;

d) Cơ quan quản lý nhân sự đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện kiểm tra, hoàn chỉnh thủ tục; báo cáo Thủ trưởng đơn vị ký Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc quyền quản lý; thời gian thực hiện không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thiện thủ tục.

2. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cấp đổi quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 8 Nghị định này, cá nhân điền vào tờ khai theo mẫu và nộp cơ quan quản lý nhân sự quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp cấp đổi quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định này, cá nhân có đơn đề nghị cấp đổi, xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp, điền vào tờ khai theo mẫu và nộp cơ quan quản lý nhân sự quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này, cá nhân có đơn đề nghị cấp lại, xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp, điền vào tờ khai theo mẫu và nộp cho cơ quan quản lý nhân sự quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này;

d) Cơ quan quản lý nhân sự thực hiện trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền cấp Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thẩm quyền cấp Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

Điều 11. Thu hồi Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

1. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng bị thu hồi Chứng minh trong trường hợp sau đây:

a) Thôi phục vụ trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân;

b) Được cấp đổi quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 8 Nghị định này; sau khi cá nhân nhận được Chứng minh mới thì Chứng minh cũ bị thu hồi;

c) Tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc.

2. Cơ quan quản lý nhân sự quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 9 Nghị định này có trách nhiệm thu hồi, quản lý, hủy Chứng minh của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tạm giữ Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

1. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng bị tạm giữ Chứng minh trong thời gian bị tạm giữ, bị tạm giam, chấp hành án phạt tù.

2. Trong thời gian quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng bị tạm giữ Chứng minh, cơ quan tạm giữ Chứng minh cho phép quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được sử dụng Chứng minh của mình để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật.

3. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được trả lại Chứng minh khi hết thời hạn bị tạm giữ, bị tạm giam, chấp hành xong án phạt tù nếu được tiếp tục phục vụ trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo xây dựng dữ liệu quản lý, bảo đảm ngân sách, cơ sở vật chất cho công tác quản lý Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng;

b) Quy định quy cách, phôi, mẫu biểu, chất liệu Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng;

c) Kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

2. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng có trách nhiệm:

a) Quản lý, sử dụng Chứng minh đúng mục đích quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Xuất trình Chứng minh theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

c) Khi xuất cảnh ra nước ngoài phải để Chứng minh tại đơn vị quản lý.

3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm giám sát, phát hiện, phản ánh cho các đơn vị quân đội hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm trong việc quản lý, sử dụng Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng sử dụng Chứng minh sai mục đích, sửa chữa, cho mượn, làm mất hoặc lưu giữ khi không còn được sử dụng, tùy theo mức độ sai phạm xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người có hành vi làm giả, hủy hoại, lưu giữ, sử dụng Chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng của người khác vào bất cứ mục đích gì, tùy theo mức độ sai phạm xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Bãi bỏ Quyết định số 1973/2000/QĐ-BQP ngày 18 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về Chứng minh quân đội.

2. Chứng minh quân đội đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn còn giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (3b).M 225

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc